

**DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO**



**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH**
(Hợp nhất các Công ty)

QUÝ III / 2008

- HaiPhong City -

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng- Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : [Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008](#)

I- MỤC LỤC

Báo cáo tài chính hợp nhất:

- **Bảng cân đối kế toán**
- **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**
- **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- **Thuyết minh báo cáo tài chính**

II- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Kỳ báo cáo: Quý III / 2008

Đơn vị: VND

(Số liệu hợp nhất)

(Số liệu hợp nhất)

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Quý III / 2008	Số dư đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		458,623,994,930	374,177,106,874
I.	Tiền và tương đương tiền	110		22,582,034,004	82,702,678,916
1.	Tiền	111	VI.1	21,782,034,004	69,702,678,916
2.	Các khoản tương đương tiền	112		800,000,000	13,000,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		254,626,561,147	198,472,162,780
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		267,427,154,147	209,626,205,780
2.	TK 129- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(12,800,593,000)	(11,154,043,000)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73,576,879,627	47,852,924,504
1.	Phải thu khách hàng	131		20,316,778,976	18,199,557,807
2.	Trả trước cho người bán	132		7,340,307,187	6,034,783,125
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	VI.3	47,293,581,952	24,843,512,748
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,373,788,488)	(1,224,929,176)
IV.	Hàng tồn kho	140		92,181,204,592	34,153,442,963
1.	Hàng tồn kho	141	VI.4	94,111,081,434	35,851,319,805
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,929,876,842)	(1,697,876,842)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		15,657,315,560	10,995,897,711
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,222,494,670	446,175,378
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,528,700,619	4,685,468,961
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	VI.5	-	57,155,642
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		9,906,120,271	5,807,097,730
VI.	Chi sự nghiệp			-	-
1.	Chi sự nghiệp năm trước			-	-
2.	Chi sự nghiệp năm nay			-	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		353,059,549,126	358,095,445,539
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		295,000,000	85,000,000
1.	Khoản phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		295,000,000	85,000,000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		262,595,629,651	265,107,885,058
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	231,117,150,727	224,768,669,634
	- Nguyên giá	222		285,478,455,475	263,578,029,559
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(54,361,304,748)	(38,809,359,925)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		1,267,400,643	1,459,317,704
	- Nguyên giá	225		1,538,248,180	1,538,248,180
	- Giá trị khấu hao lũy kế	226		(270,847,537)	(78,930,476)
3.	Tài sản cố định vô hình	227		8,560,590,181	6,961,142,095
	- Nguyên giá	228		8,918,094,928	7,366,081,128
	- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(357,504,747)	(404,939,033)

II- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Kỳ báo cáo: Quý III / 2008

Đơn vị: VND

4.	Chi phí XD CB dở dang	230		21,650,488,100	31,918,755,625
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị khấu hao lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50,704,422,152	51,407,713,943
1.	Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		25,070,042,543	23,600,042,543
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		29,816,379,609	27,975,871,400
4.	Dự phòng giảm giá Đtư chứng khoán dài hạn (*)	259		(4,182,000,000)	(168,200,000)
V.	Lợi thế thương mại	260		17,244,723,560	17,350,135,360
VI.	Tài sản dài hạn khác	270		22,219,773,763	24,144,711,178
1.	Chi phí trả trước dài hạn	271	VI.14	22,219,773,763	24,144,711,178
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	278		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		811,683,544,056	732,272,552,413

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Quý III / 2008	Số dư đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		270,349,031,345	224,019,007,931
I.	Nợ ngắn hạn	310		157,900,047,617	107,997,445,531
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		83,691,970,759	49,249,217,624
2.	Phải trả người bán	312		19,863,551,045	22,810,999,770
3.	Người mua trả tiền trước	313		11,957,198,490	750,343,669
4.	Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	23,085,421,615	16,972,810,838
5.	Phải trả người lao động	315		1,523,359,978	2,090,724,571
6.	Chi phí phải trả	316	VI.17	2,565,026,642	2,308,376,863
7.	Phải trả nội bộ	317		(1,583,092,505)	-
8.	Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
9.	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.18	16,796,611,593	13,814,972,196
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	Nợ dài hạn	320		112,448,983,728	116,021,562,400
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		928,597,883	568,900,000
4.	Vay và nợ dài hạn	334		111,342,245,126	115,284,481,241
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		178,140,719	168,181,159
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		526,418,842,015	496,085,270,224
I.	Vốn chủ sở hữu	410	VI.22	526,418,842,015	494,923,435,650
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		147,794,720,000	147,794,720,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		264,580,918,671	264,580,918,671
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(4,659,456,292)	(458,506,292)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-

II- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Kỳ báo cáo: Quý III / 2008

Đơn vị: VND

6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		738,066,682	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		8,522,512,588	8,522,512,588
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1,579,201,169	1,285,685,611
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		107,862,879,197	73,198,105,072
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II.	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	1,161,834,574
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	1,161,834,574
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	VI.23	14,915,670,696	12,168,274,257
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		811,683,544,056	732,272,552,413

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III / 2008	Số dư đầu năm
1. Thuê tài sản ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		119,123.28	93,001.21
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
		-	-

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2008

Tổng Giám đốc

III- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ báo cáo: **Quý III / 2008**

Đơn vị: VND

TT	CHỈ TIÊU	TK	Mã số	Thuyết minh	Quý III / 2008	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và C/cấp Dvụ	511	01	VI.25	99,502,135,392	26,552,945,686	355,573,512,048	91,935,637,212
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu		03	VI.26	654,938,157	168,698,700	996,604,295	168,698,700
	- Chiết khấu TM	521	04		4,308,617		126,675,626	
	- Giảm giá hàng bán	532	05		254,267,475		333,341,902	
	- Hàng bán bị trả lại	531	06		396,362,065	168,698,700	536,586,767	168,698,700
	- Thuế VAT, thuế tiêu thụ đặc biệt	3,332			-		-	
3.	Dthu thuần về bán hàng và C/cấp Dvụ		10	VII.27	98,847,197,235	26,384,246,986	354,576,907,753	91,766,938,512
4.	Giá vốn hàng bán	632	11	VII.28	79,329,593,430	23,022,003,107	280,600,358,152	77,488,086,672
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và C/c DV		20		19,517,603,805	3,362,243,879	73,976,549,601	14,278,851,840
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	515	21	VII.29	8,138,746,088	25,713,801,301	13,678,251,061	54,033,759,115
7.	Chi phí tài chính	635	22	VII.30	6,930,434,669	2,375,350,865	12,821,331,037	4,110,244,650
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23		<i>167,151,861</i>		<i>2,069,029,158</i>	
8.	Chi phí bán hàng	641	24		2,433,027,065	1,098,004,339	7,016,786,252	2,633,000,067
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	25		7,437,504,968	1,993,537,496	20,728,579,645	6,987,985,490
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD		30		10,855,383,191	23,609,152,480	47,088,103,728	54,581,380,748
11.	Thu nhập khác	711	31		1,119,683,783	40,167,463	3,518,798,280	814,330,228
12.	Chi phí khác	811	32		603,572,819	11,850	3,685,246,938	693,733,489
13.	Lợi nhuận khác		40		516,110,964	40,155,613	(166,448,658)	120,596,739
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60		11,371,494,155	23,649,308,093	46,921,655,070	54,701,977,487
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	8,211	61		2,446,864,677	4,646,385,619	12,256,880,945	10,421,073,271
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	8,212	62		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN		70		8,924,629,478	19,002,922,474	34,664,774,125	44,280,904,216
17.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số				-	-	943,030,004	-
17.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty				8,924,629,478	19,002,922,474	33,721,744,121	44,280,904,216
18.	Lãi cơ bản trên một Cổ phiếu		80		610	-	2,371	-

Phụ trách kế toán

Hải Phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2008
Tổng Giám đốc

IV- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ báo cáo: Quý III / 2008

Đơn vị: VND

(Số liệu hợp nhất)

(Số liệu hợp nhất)

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Quý III / 2008	Quý trước
I-	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		-	-
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	133,665,683,432	145,486,659,083
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(97,863,173,594)	(93,596,161,111)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(10,617,380,789)	(11,151,981,959)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(1,734,350,950)	(1,200,158,714)
5.	Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1,694,485,451)	(529,645,418)
6.	Tiền chi nộp Thuế GTGT	06	282,446,599	(51,046,812)
7.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	07	66,802,692,336	29,529,037,976
8.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	08	(85,027,031,386)	(73,281,522,022)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3,814,400,197	(4,794,818,977)
II -	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		-	-
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(380,366,180)	(1,343,988,799)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1,514,904,450
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(23,789,930,000)	(11,465,400,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	25,257,302,000	1,959,460,000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6,760,719,711	2,832,015,681
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7,847,725,531	(6,503,008,668)
III -	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		-	-
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	183,645,028	5,720,547,085
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7,184,799,215)	(12,590,096,611)
5.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư	35	(310,984,911)	(184,788,920)
6.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	36	(73,711,995)	(101,840,492)
7.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	37	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7,385,851,093)	(7,156,178,938)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4,276,274,635	(18,454,006,583)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8,374,977,668	26,659,957,696
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9,930,981,701	169,026,555
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	22,582,234,004	8,374,977,668

Hải Phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2008

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng- Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : [Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008](#)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần HAPACO được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28/10/1999 do UBND Thành phố Hải Phòng cấp. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055562 ngày 17 tháng 6 năm 1999. Đến ngày 22 tháng 9 năm 2006, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6. Theo đó ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định bao gồm:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chung cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu, hoá chất thông thường;

[Tại ngày 30/09/2007](#) Công ty có các Công ty con :

Trụ sở:

- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn Số 638 - Điện Biên – TP. Yên Bái
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu Số 441A - Tôn Đức Thắng - HP
- Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco Số 114 - Lê Duẩn - Kiến An - HP
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng Số 135 - Điện Biên Phủ - HP
- Công ty CP QL Quỹ Đtr Chứng khoán Hải Phòng Số 135 - Điện Biên Phủ - HP
- Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco Số 135 - Điện Biên Phủ - HP

Chi tiết vốn góp của Công ty tại các Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này như sau:

Công ty con	Vốn điều lệ	Vốn góp của Công ty mẹ		
		Theo Giấy chứng nhận kinh doanh	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	12,894,800,000	6,774,500,000	6,774,500,000	52.54
Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	7,300,000,000	6,086,700,000	7,140,818,000	83.38
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	30,000,000,000	21,000,000,000	21,000,000,000	70.00
Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	2,132,000,000	2,121,979,600	20,462,914,000	99.53
Công ty Cổ phần QL Quỹ ĐTCK HP	11,000,000,000	4,950,000,000	8,250,000,000	75.00
Công ty TNHH ĐT Tài chính Hapaco	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000	100.00

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 07/HĐCN/IFM ngày 14/4/2007, các cổ đông đã chuyển nhượng số vốn góp vào Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng cho Công ty Cổ phần Hapaco do đó tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Hapaco được thay đổi từ 4.950.000.000 đồng lên 8.250.000.000 đồng tương đương tỷ lệ tăng từ 45% lên 75%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : **Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008**

Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 6 tòa nhà Khánh Hội- Lô 2/3C Lê Hồng Phong- Ngô Quyền- Hải Phòng

Đến ngày **30/09/2007**, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1551 người. Trong đó số nhân viên quản lý là 45 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau.

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002.

- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 105/2003/TT-BTC ngày 04/11/2003.

- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005.

- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : **Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008**

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi Ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản đầu tư tài chính có có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Hàng tồn kho và dự phòng hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua trên hoá đơn và các chi phí liên quan phát sinh nhằm đưa hàng tồn kho vào vị trí sẵn sàng sử dụng, hay dựa trên ước tính của Công ty.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: Bình quân gia quyền.
- Sản phẩm dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng này được tính vào giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) (không kể các TSCĐ thuê tài chính) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình (không kể các tài sản thuê tài chính) được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : **Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008**

<i>Loại tài sản cố định:</i>	<i>Thời gian (năm)</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị quản lý	03 – 08
Phần mềm máy tính	05
Quyền sử dụng đất	20
Phương tiện vận tải thuê tài chính	06-10

4. Các khoản đầu tư tài chính:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được Công ty phản ánh theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm kết thúc năm tài chính được phản ánh theo nguyên tắc nêu dưới đây:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Nếu có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được xác lập trên cơ sở đánh giá về khả năng và mức độ tổn thất khi xảy ra giảm giá đối với từng loại đầu tư.

5. Lợi thế thương mại:

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch còn lại giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được. Lợi thế thương mại được phân bổ theo tiêu thức đường thẳng trong thời gian 10 năm và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

6. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Các khoản chi phí đi vay được ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh nếu không đủ điều kiện được vốn hoá theo quy định.

Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Ngoài ra, việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : [Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008](#)

7. *Vốn chủ sở hữu:*

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên tham gia góp vốn khi thành lập công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

8. *Lợi ích cổ đông thiểu số*

Lợi ích cổ đông thiểu số phản ánh một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp.

9. *Doanh thu:*

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu cung cấp sản phẩm, dịch vụ được ghi nhận trong năm tài chính khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, dịch vụ đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan tới hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. *Một số nội dung khác có liên quan*

Khoản phải thu:

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng phải thu khó đòi.

Khoản phải thu khách hàng được ghi nhận căn cứ vào giá trị sản phẩm, dịch vụ đã được chuyển giao cho khách hàng và đã được khách hàng chấp nhận thanh toán nhưng chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán hết. Hợp đồng kinh tế và số lượng hàng hoá, sản phẩm xuất bán thực tế là cơ sở để Công ty phát hành hoá đơn bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : **Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nghĩa vụ thuế như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Sản phẩm giấy do Công ty sản xuất để xuất khẩu chịu mức thuế suất 0%, các sản phẩm tiêu dùng nội địa chịu mức thuế suất 10%, nguyên vật liệu chịu mức thuế suất 5%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN)

Thuế suất thuế TNDN của Công ty năm tài chính 2008 là 28%

Các loại thuế khác:

Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Các khoản khác biệt về thuế sau khi Cơ quan thuế kiểm tra và kết luận sẽ được Công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.

V. PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

.- Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

.- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

.- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty con.
- + Lợi ích của Cổ đông thiểu số.
- + Các khoản phải thu phải trả nội bộ giữa Công ty với các Cty con và giữa các Cty con với nhau.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : **Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008**

- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:

+ Doanh thu, giá vốn hàng bán nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và các Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty và của các công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương trên các báo cáo này.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty và của các công ty con được lập thống nhất toàn bộ theo phương pháp trực tiếp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

		30/09/2008	01/01/2008
- Tiền mặt tại quỹ	(i)	1,893,478,467	1,423,681,956
- Tiền gửi ngân hàng	(ii)	19,888,555,537	68,278,996,960
- Tiền đang chuyển		800,000,000	13,000,000,000
Cộng		22,582,034,004	82,702,678,916

(i) **Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/09/2008 bao gồm:**

	VND
- Đồng Việt Nam	1,893,478,467
Cộng	1,893,478,467

(ii) **Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/09/2008 bao gồm:**

	VND
- Tiền gửi bằng Đồng Đô la Mỹ (USD)	
- Tiền gửi bằng Đồng Việt Nam (VND)	- 19,888,555,537
Cộng	19,888,555,537

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng- Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Đơn vị: VND

	30/09/2008	01/01/2008
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	114,726,660,036	111,370,327,727
- Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	152,700,494,111	98,255,878,053
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(12,800,593,000)	(11,154,043,000)
Cộng	254,626,561,147	198,472,162,780

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:

Đơn vị: VND

	30/09/2008	01/01/2008
- Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn		
- Dự thu lãi đầu tư dài hạn		
- Phải thu từ cổ tức lợi nhuận được chia	-	1,196,169,350
- Phải thu người lao động	-	94,152,442
- Dự nợ phải trả phải nộp khác	500,870,000	500,870,000
- Phải thu khác	46,792,711,952	23,052,320,956
Cộng	47,293,581,952	24,843,512,748

4. Hàng tồn kho:

Đơn vị: VND

	30/09/2008	01/01/2008
- Hàng mua đang đi đường	-	750,563,186
- Nguyên liệu, vật liệu	31,260,339,655	18,818,349,026
- Công cụ, dụng cụ	15,054,759,493	550,090,567
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7,821,267,905	763,492,884
- Thành phẩm	38,676,287,097	14,896,070,749
- Hàng hoá	1,298,427,284	72,753,393
- Hàng gửi bán	-	-
Cộng	94,111,081,434	35,851,319,805

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:

Đơn vị: VND

	30/09/2008	01/01/2008
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	2,572,642
- Thuế môn bài nộp thừa	-	3,000,000
- Tiền thuế đất nộp thừa	-	51,583,000
Cộng	-	57,155,642

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng- Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình:**BÁO CÁO HỢP NHẤT**

Đơn vị: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	75,610,481,916	188,053,195,564	13,998,772,385	1,766,498,817	2,823,373,340	282,252,322,022
- Mua trong kỳ	727,110,615	535,095,867	128,215,597	42,764,545	-	1,433,186,624
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	2,001,620,726	(2,207,302,949)	-	-	969,263,900	763,581,677
- Tăng khác	-	986,064,818	-	-	43,300,334	1,029,365,152
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	78,339,213,257	187,367,053,300	14,126,987,982	1,809,263,362	3,835,937,574	285,478,455,475
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	14,399,513,155	29,180,831,613	3,369,982,647	397,263,377	1,556,691,303	48,904,282,095
- Khấu hao trong kỳ	1,327,856,259	3,506,661,595	526,963,117	56,257,997	39,283,685	5,457,022,653
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	15,727,369,414	32,687,493,208	3,896,945,764	453,521,374	1,595,974,988	54,361,304,748
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	61,210,968,761	158,872,363,951	10,628,789,738	1,369,235,440	1,266,682,037	233,348,039,927
Tại ngày cuối kỳ	62,611,843,843	154,679,560,092	10,230,042,218	1,355,741,988	2,239,962,586	231,117,150,727

Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

Page 9

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng- Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

9. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính:**BÁO CÁO HỢP NHẤT**

Đơn vị: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	-	-	1,538,248,180	-	-	1,538,248,180
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-

- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	1,538,248,180	-	-	-	1,538,248,180
GIÁ TRỊ HAO MÒN	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ	-	206,786,650	-	-	-	206,786,650
- Khấu hao trong kỳ	-	64,060,887	-	-	-	64,060,887
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	270,847,537	-	-	-	270,847,537
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	-	-	-	-	-
Tại ngày đầu kỳ	-	1,331,461,530	-	-	-	1,331,461,530
Tại ngày cuối kỳ	-	1,267,400,643	-	-	-	1,267,400,643

Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

Page 10

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng- Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình:

BÁO CÁO HỢP NHẤT

Đơn vị: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	7,646,229,650	-	-	-	1,271,865,278	8,918,094,928
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7,646,229,650	-	-	-	1,271,865,278	8,918,094,928
GIÁ TRỊ HAO MÒN	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ	219,196,112	-	-	-	48,932,448	268,128,560
- Khấu hao trong kỳ	73,065,371	-	-	-	16,310,816	89,376,187
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	292,261,483	-	-	-	65,243,264	357,504,747
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	-	-	-	-	-
Tại ngày đầu kỳ	7,427,033,538	-	-	-	1,222,932,830	8,649,966,368
Tại ngày cuối kỳ	7,353,968,167	-	-	-	1,206,622,014	8,560,590,181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Đơn vị: VND

		<u>30/09/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
- Tổng số chi phí XD/CB dở dang:		21,650,488,100	31,918,755,625
Trong đó các Công trình lớn:			
+ Dự án Nhà máy Giấy Kraft		-	-
+ Dự án Nhà máy Giấy Hải Hà	(i)		13,646,182,880
+ Dự án Nhà máy Lọc dầu tại Đình Vũ		14,906,759,450	14,906,759,450

Dự án Nhà máy Giấy Hà Giang thuộc Công ty Cổ phần Hải Hà đang trong quá trình đầu tư xây dựng nhà máy, các khoản chi phí phát sinh liên quan đến nhà máy được Công ty phản ánh trên tài khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Ngày 02 tháng 01 năm 2008, dự án Nhà máy Giấy Hà Giang đã được Công ty bàn giao cho Công ty Cổ phần Giấy Hải Hà làm cơ sở ghi tăng khoản vốn đầu của vào Công ty Cổ phần Giấy Hải Hà.

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Đơn vị: VND

	Tỷ lệ (%)	<u>30/09/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
- Đầu tư vào Công ty con			
+ Cty CP Qly Quy DTCK HP	75.00	8,250,000,000	8,250,000,000
- Đầu tư vào Công ty liên kết		45,532,956,543	25,715,651,523
+ Cty CP Chứng khoán HP	6.51	25,070,042,543	23,583,651,523
+ Cty CP TM Dịch vụ HP	99.53	20,462,914,000	2,132,000,000
- Đầu tư dài hạn khác		29,816,379,609	27,975,871,400
Đầu tư cổ phiếu (OTC)		11,542,262,691	11,749,671,400
Đầu tư trái phiếu		-	65,200,000
Đầu tư dài hạn khác		18,274,116,918	16,161,000,000
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(4,182,000,000)	(168,200,000)
Cộng		<u>71,167,336,152</u>	<u>53,523,322,923</u>

14. Chi phí trả trước dài hạn:

Đơn vị: VND

		<u>30/09/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
- Khoản lợi thế khi mua Cty Dệt HP	(i)	21,025,497,915	22,262,291,910
- Chi phí trả trước dài hạn khác		1,944,771,018	1,882,419,268
Cộng		<u>22,970,268,933</u>	<u>24,144,711,178</u>

(i): Khoản lợi thế khi mua Công ty Dệt Hải Phòng với tổng số tiền 24.735.879.900 đồng phân bổ cho 10 năm tài chính. Giá trị phân bổ cho năm tài chính 2007 (năm đầu tiên) là 2.473.587.990 đồng. Giá trị còn phải phân bổ tiếp từ năm 2008 trở đi là 22.262.291.910 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

14. Vay và nợ ngắn hạn:

Đơn vị: VND

		30/09/2008	01/01/2008
- Vay ngắn hạn	(i)	71,531,254,771	48,954,369,644
- Nợ dài hạn đến hạn trả		12,160,715,988	294,847,980
Cộng		83,691,970,759	49,249,217,624

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

Đơn vị: VND

		30/09/2008	01/01/2008
- Thuế giá trị gia tăng		(1,032,129,664)	24,482,943
- Thuế xuất, nhập khẩu		-	37,059,900
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		22,699,527,013	15,874,243,873
- Thuế thu nhập cá nhân		246,213,101	226,490,000
- Thuế đất và tiền thuê đất		-	419,396,000
- Các loại thuế khác		894,721,486	345,489,265
- Các khoản phải nộp khác		295,535,647	45,648,857
Cộng		23,103,867,583	16,972,810,838

17. Chi phí phải trả:

Đơn vị: VND

		30/09/2008	01/01/2008
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả			1,190,654,178
- Chi phí tiền lương lẽ, phép trích trước			474,756,392
- Chi phí tiền điện, nước, chi phí vận chuyển			491,527,231
- Chi phí trả trước khác		2,565,026,642	151,439,062
Cộng		2,565,026,642	2,308,376,863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

Đơn vị: VND

		30/09/2008	01/01/2008
- Tài sản thừa chờ xử lý	(i)	5,253,347,324	5,253,347,324
- Kinh phí công đoàn		-	168,454,804
- Bảo hiểm xã hội		123,425,794	91,428,500
- Bảo hiểm y tế		-	128,607
- Doanh thu chưa thực hiện		-	-
- Phải trả khác		11,419,838,475	8,301,612,961
Cộng		16,796,611,593	13,814,972,196

(i): Khoản thực tế không còn phải trả Công ty XNK Trùng Khánh Trung Quốc (đang treo trên TK 331 - Phải trả người bán) theo nghiệm thu và thanh lý hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Hapaco và Công ty XNK Trùng Khánh Trung Quốc.

20. Vay và nợ dài hạn:

Đơn vị: VND

		30/09/2008	01/01/2008
- Vay dài hạn		105,090,766,286	114,621,073,286
+ Vay ngân hàng		100,090,766,286	109,621,073,286
+ Vay đối tượng khác		5,000,000,000	5,000,000,000
- Nợ dài hạn		6,235,878,840	663,407,955
+ Thuế Tài chính	(ii)	6,235,878,840	663,407,955
Cộng		111,326,645,126	115,284,481,241

(i): Các khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Hải Phòng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Hải Phòng, Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Yên Bái theo hình thức thế chấp với lãi suất từ 0,65% đến 1,01% tháng.

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
- Năm nay			
+ Tổng khoản Ttoán tiền thuê TC	831,617,850	1,171,563,746	
+ Trả tiền lãi thuê	105,481,865	213,307,771	
+ Trả nợ gốc	726,135,985	958,255,975	
<i>Nợ gốc phải trả cho năm 2008</i>		294,847,980	
<i>Nợ gốc còn phải trả</i>		663,407,995	
- Năm trước			
+ Tổng khoản Ttoán tiền thuê TC	-	-	-
+ Trả tiền lãi thuê	-	-	-
+ Trả nợ gốc	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng- Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

22. Vốn chủ sở hữu:

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư Phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu kỳ trước	147,794,720,000	264,580,918,671	(458,506,292)	-	8,522,512,588	1,285,685,611	73,198,105,072	494,923,435,650
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	147,794,720,000	264,580,918,671	(458,506,292)	-	8,522,512,588	1,285,685,611	73,198,105,072	494,923,435,650
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	293,515,558	34,664,774,125	34,958,289,683
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	(4,200,950,000)	738,066,682	-	-	-	(3,462,883,318)
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	147,794,720,000	264,580,918,671	(4,659,456,292)	738,066,682	8,522,512,588	1,579,201,169	107,862,879,197	526,418,842,015
								526,418,842,015

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng- Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Đơn vị: VND

	30/09/2008	01/01/2008
- Vốn góp của các cổ đông	147,794,720,000	147,794,720,000
Cộng	147,794,720,000	147,794,720,000
Số lượng cổ phiếu quỹ:	14,619,632	Cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

Đơn vị: VND

	30/09/2008	01/01/2008
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	147,794,720,000	60,002,510,000
+ Vốn góp tăng trong năm		87,792,210,000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	147,794,720,000	147,794,720,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	10,221,005,138

Cổ phiếu:

Đơn vị: VND

	30/09/2008	01/01/2008
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14,775,102	14,779,472
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14,775,102	14,775,102
+ Cổ phiếu phổ thông	14,775,102	14,775,102
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	155,470	4,370
+ Cổ phiếu phổ thông	155,470	4,370
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14,619,632	14,775,102
+ Cổ phiếu phổ thông	14,619,632	14,775,102
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10,000 VND/1 cổ phiếu

23. Lợi ích của Cổ đông thiểu số:

Đơn vị: VND

	Cộng hợp nhất Báo cáo	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Lợi ích của Công ty
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	147,794,720,000	10,093,620,400	137,701,099,600
- Thặng dư vốn cổ phần	264,580,918,671	-	264,580,918,671
- Cổ phiếu quỹ	(4,659,456,292)	(17,673,708)	(4,641,782,584)
- Quỹ Đầu tư phát triển	8,522,512,588	5,855,808,216	2,666,704,372
- Quỹ dự phòng tài chính	1,579,201,169	462,306,050	1,116,895,119
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	738,066,682	-	738,066,682
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP	107,862,879,197	(1,478,390,262)	114,836,112,582
- Cộng	526,418,842,015	14,915,670,696	516,998,014,442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Đơn vị: VND

	Quý III / 2008	Lũy kế từ đầu năm nay
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	99,502,135,392	355,573,512,048
- Doanh thu bán hàng	99,502,135,392	355,573,512,048
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		

26. Các khoản giảm trừ doanh thu:

Đơn vị: VND

	Quý III / 2008	Lũy kế từ đầu năm nay
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	654,938,157	996,604,295
- Chiết khấu thương mại	4,308,617	126,675,626
- Giảm giá hàng bán	254,267,475	333,341,902
- Hàng bán bị trả lại	396,362,065	536,586,767

27. Doanh thu thuần:

Đơn vị: VND

	Quý III / 2008	Lũy kế từ đầu năm nay
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	98,847,197,235	354,576,907,753
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	98,847,197,235	354,576,907,753
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp:

Đơn vị: VND

	Quý III / 2008	Lũy kế từ đầu năm nay
- Giá vốn hàng hoá đã bán	79,329,593,430	280,600,358,152
- Giá vốn thành phẩm đã bán	-	-
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	79,329,593,430	280,600,358,152

29. Doanh thu hoạt động tài chính:

Đơn vị: VND

	Quý III / 2008	Lũy kế từ đầu năm nay
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		
- Lãi đầu tư cổ phiếu, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	8,138,746,088	13,678,251,061
Cộng	8,138,746,088	13,678,251,061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

27. Chi phí hoạt động tài chính:

Đơn vị: VND

	Quý III / 2008	Lũy kế từ đầu năm nay
- Lãi tiền vay		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
- Chi phí tài chính khác	6,930,434,669	12,821,331,037
Cộng	6,930,434,669	12,821,331,037

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Quý III / 2008	Lũy kế từ đầu năm nay
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2,446,864,677	12,256,880,945
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	-
Cộng	2,446,864,677	12,256,880,945

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Đơn vị: VND

	Quý III / 2008	Lũy kế từ đầu năm nay
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		
Cộng	-	-

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

Đơn vị: VND

	Quý III / 2008	Lũy kế từ đầu năm nay
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty	8,924,629,478	34,664,774,125
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- LN phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- CP phổ thông đang lưu hành bình quân năm	14,619,632	14,775,102
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	610	2,371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan:

Trong năm tài chính tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2008, các bên sau đây được nhận biết là các bên liên quan của Công ty:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Công ty liên kết
- Lâm trường Văn Bàn - Lào Cai	HĐ hợp tác kinh doanh

Các giao dịch với các bên có liên quan

Đơn vị: VND

Quý III / 2008

Mua Giấy để

- Lâm trường Văn Bàn - Lào Cai	4,522,938,000
--------------------------------	---------------

Số dư với bên liên quan tại ngày cuối kỳ báo cáo:

Số tiền (VND)

Các khoản phải thu

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

Các khoản phải trả

- Lâm trường Văn Bàn - Lào Cai	4,522,938,000
--------------------------------	---------------

2. Thông tin so sánh:

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty Cổ phần Hapaco đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán - Chi nhánh Hà Nội nay là Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán tại Hà Nội. Trong đó, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được điều chỉnh lại số học để đảm bảo phản ánh đúng kết quả kinh doanh thực tế cho kỳ Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2008.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC